

Bản án số: 112/2021/HS-ST  
Ngày 27/10/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Phong.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đình Hà và bà Trần Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:**

Ông Hồ Văn Cương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 105/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Lô Văn K;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 21/12/1992, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lô Văn N (Đã chết); con bà: Vi Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 31/8/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, đến ngày 11/5/2021 thì chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021. Có mặt.

**2. Vi Văn T;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/11/1994, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T; con bà: Vi Thị T; có vợ: Lữ Thị T và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T: Ông Nguyễn Thái Q, Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 28/6/2021 Lô Văn K rủ Vi Văn T đi lên huyện Q mua ma túy về sử dụng và được Tuất đồng ý. Lô Văn K và Vi Văn T đi lên đến bản M, xã T, huyện Q; Lô Văn K

mua ma túy với một người tên T. Mua được ma túy Lô Văn K đưa cho T cầm rồi ra về; khi về đến xã C, huyện Q thì bị bắt quả tang. Thu 02 gói viên nén màu hồng, 01 gói chất bột màu trắng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37G-01944.

Kết luận giám định số 1073/KL- PC09( Đ2-MT) ngày 04/7/2021 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

**- Các mẫu viên nén màu hồng (Ký hiệu M1 và M2) thu giữ của Lô Văn K và Vi Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (02 gói) thu giữ của Lô Văn K và Vi Văn T gửi tới giám định có tổng khối lượng 21,18 (Hai mươi một phẩy mười tám) gam.**

**- Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lô Văn K và Vi Văn T gửi tới giám định là ma túy (Heroin). Số chất bột màu trắng thu giữ của Lô Văn K và Vi Văn T gửi tới giám định có khối lượng 0,2 (Không phẩy hai) gam.**

Tại phiên tòa các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể: Tội 28/6/2021 Lô Văn K khởi xướng và cùng với Vi Văn T lên huyện Q mua ma túy. Khi mua được ma túy K đưa cho T cất giữ và cùng nhau ra về; sáng 29/6/2021 khi về đến xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An thì bị bắt quả tang, thu 21,18 gam Methamphetamine và 0,2 gam Heroin. Mục đích các bị cáo mua ma túy về để sử dụng.

Cáo trạng số 115/CT-VKS- HS ngày 29/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đối với người bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo, do không xác minh được họ tên và địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận và đề nghị áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt: Bị cáo Lô Văn K từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; đề nghị áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Vi Văn T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại; trả lại chiếc xe máy cho bị cáo Lô Văn K và miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Người bào chữa không tranh luận về tội danh; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Lô Văn K từ 06 năm 06 tháng đến 7 năm tù; xử phạt Vi Văn T 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, nhưng vào lúc 06 giờ 30 phút, ngày 29/6/2021 tại xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T đang cất giấu trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang. Thu 21,18 gam Methamphetamine và 0,2 gam Herone. Các bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Do đó các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, nòi giống của con người, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Đối với Lô Văn K vừa là người khởi xướng, vừa là người bỏ tiền và trực tiếp mua ma túy; bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, nên cần xét xử mức án cao hơn bị cáo Vi Văn T; đối với Vi Văn T là người trực tiếp cất giấu trái phép chất ma túy nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ số lượng ma túy đã thu giữ. Vì vậy cần xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo khai báo thành khẩn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù là hợp lý. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Lô Văn K và đề nghị của người bào chữa đối với các bị cáo là thấp so với số lượng ma túy thu giữ và nhân thân của các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có tài sản đáng giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 21,18 gam Methamphetamine cơ quan điều tra lấy đi giám định chất ma túy 01 gam, còn lại 20,18 gam; đối với 0,2 gam Heroine cơ quan điều tra lấy đi giám định chất ma túy hết, đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe máy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Lô Văn K.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Lô Văn K và Vi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Phạt Lô Văn K 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2021.

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Phạt Vi Văn T 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ một phong bì bên trong đựng 20,18 (Hai mươi phẩy mười tám) gam Methamphetamine, vỏ gói ma túy thu giữ của Lô Văn K và Vi Văn T; phong bì thu giữ vật chứng ban đầu. Trả lại cho bị cáo Lô Văn K 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37G-01944.

Chi tiết vật chứng được ghi cụ thể trong biên bản giao nhận ngày 05/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q với Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lô Văn K và Vi Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Q.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Công an huyện Q.
- Chi cục THA DS huyện Q.
- Trại tạm giam; trại giam.
- Sở tư pháp; UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu VP, THAHS, Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Công Phong**